

Bản án số: 55/2024/DS-ST  
Ngày: 05/6/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hòa;

2. Ông Lý Đạt Thành.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 06/02/2024 về việc: “**Tranh chấp Hợp đồng tín dụng**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-DS ngày 04/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST-DS ngày 20/5/2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần K**

Trụ sở chính: **4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.**

Địa chỉ liên hệ: **311 N, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Ngọc M**, Chức danh: Tổng Giám đốc.

TUQ. Tổng Giám đốc: Ông **Lê Trung V**, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (theo Quyết định 3366/QĐ-NHKL ngày 21/08/2023)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đình Việt Q**, Chức danh: Giám đốc Phòng Xử lý nợ (theo Quyết định số 2207/QĐ-NHKL ngày 01/7/2023)

Người được ủy quyền lại: ông **Nguyễn Khoa H** (Chuyên viên xử lý nợ).  
Số điện thoại: 0963 999 967

(Theo Quyết định v/v ủy quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý nợ số 3590/QĐ-NHKL ngày 11/9/2023)

\* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **Khóm B, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.**

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần K** trình bày:*

Vào ngày 04/01/2018, chị **Nguyễn Thị Mỹ T** có đề nghị **Ngân hàng thương mại cổ phần K** phát hành thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng. Qua xét duyệt, ngày 04/01/2018 Ngân hàng đồng ý phát hành thẻ cho chị **T** với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng theo Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 với nội dung như sau: Loại thẻ VISA CREDIT CLASSIC – KHONG TSBD; Lãi suất vay: Theo mức lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Thời hạn vay: 36 tháng; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế. Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng dịch vụ thẻ khách hàng đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và khách hàng cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tính đến ngày 05/6/2024 khách hàng còn nợ Ngân hàng số tiền là: 81.143.003 đồng trong đó gốc chưa thanh toán 19,797,792 đồng; lãi phát sinh 19.280.586 đồng; phí phát sinh 42.064.625 đồng. Do đó, tại phiên tòa nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần K** yêu cầu bị đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ T** phải trả thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 05/6/2024) là 81.143.003 đồng trong đó gốc chưa thanh toán 19,797,792 đồng; lãi phát sinh 19.280.586 đồng; phí phát sinh 42.064.625 đồng.

Yêu cầu chị **Nguyễn Thị Mỹ T** phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày xét xử (05/6/2022) cho đến khi chị **Nguyễn Thị Mỹ T** trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** đã ký.

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà chị **Nguyễn Thị Mỹ T** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án buộc chị **Nguyễn Thị Mỹ T** trả hết toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng bao gồm gốc, lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** đã ký.

*Tại phiên tòa:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Bị đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ T** đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng chị **Nguyễn Thị Mỹ T** vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của chị **T**.

**Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ T** có trách nhiệm trả cho nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần K** tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 05/6/2024 là 81.143.003 đồng trong đó gốc chưa thanh toán là 19,797,792 đồng; lãi phát sinh là 19.280.586 đồng và phí phát sinh là 42.064.625 đồng và tiếp tục chịu lãi suất và phí quy định tại Hợp đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện **Ngân hàng thương mại cổ phần K** khởi kiện yêu cầu chị **Nguyễn Thị Mỹ T** phải trả khoản nợ thẻ tiêu dùng dựa trên Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại **huyện T, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018:

Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 được ký kết giữa **Ngân hàng K** với chị **Nguyễn Thị Mỹ T** là hợp pháp vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung (Điều 117 Bộ luật dân sự) cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch, Tòa án công nhận Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế trên giữa **Ngân hàng thương mại cổ phần K** và chị **Nguyễn Thị Mỹ T** là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần K**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1] Xét yêu cầu bị đơn trả khoản tiền nợ gốc:

Ngày 04/01/2018 **Ngân hàng thương mại cổ phần K** đồng ý phát hành thẻ cho chị **T** với hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018, căn cứ vào hạn mức chi **Tiền đề n** theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 **Ngân hàng** đã tạo điều kiện để chị **T** được sử dụng thẻ tín dụng nhưng chị **Nguyễn Thị Mỹ T** đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn; Tính đến ngày 05/6/2024 dư nợ gốc còn lại đối với Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 là 19,797,792 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó, theo quy định tại Khoản 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463 Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần K** về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[2.2.2] Về khoản nợ lãi:

Tại Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay theo quy định của **Ngân hàng K** theo từng thời kỳ nên tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2024) thì tổng số tiền nợ lãi thẻ tín dụng là 81.143.003 đồng trong đó gốc chưa thanh toán 19,797,792 đồng; lãi phát sinh 19.280.586 đồng; phí phát sinh 42.064.625 đồng.

Xét Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tính tiền lãi, tiền phí phát sinh đến ngày 05/6/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) đối với Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng

sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 là có căn cứ chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **T** không có ý kiến gì đối với yêu cầu của **Ngân hàng K** nên việc chị **T** còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi và phí là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh. Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ T** phải thanh toán tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 05/6/2024 là 81.143.003 đồng trong đó gốc chưa thanh toán 19,797,792 đồng; lãi phát sinh 19.280.586 đồng; phí phát sinh 42.064.625 đồng.

[2.2.3] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi, phí phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2024) cho đến khi chị **Nguyễn Thị Mỹ T** trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 92, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án Lệ số 08/2016 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần K**: Bị đơn chi **Nguyễn Thị Mỹ T** phải trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần K** tổng số tiền nợ gốc, lãi là 81.143.003 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 19,797,792 đồng; nợ lãi là 19.280.586 đồng; phí phát sinh là 42.064.625 đồng theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/6/2024), chi **Nguyễn Thị Mỹ T** còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất, phí mà các bên thỏa thuận theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **K1** số 352/17/TC/1203-6740 ngày 04/01/2018 cho đến khi chi **Nguyễn Thị Mỹ T** thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn chi **Nguyễn Thị Mỹ T** phải nộp 4.057.150 đồng (*bốn triệu, không trăm năm mươi bảy ngàn, một trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần K** không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.837.025 đồng (*một triệu, tám trăm ba mươi bảy ngàn, không trăm hai mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013585 ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Trần Thị Cẩm Xuyên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỌ  
THÂM**